HỒ CHÍ MINH HÓA GIẢI MỘT SỐ KHÁC BIỆT GIỮA PHẬT GIÁO VÀ CHỦ NGHĨA MÁC: TỪ LÝ THUYẾT TỚI THỰC TIỄN VIỆT NAM

Nguyễn Quang Hưng*

1. PHẬT GIÁO VÀ CHỦ NGHĨA MÁC: TỪ PHƯƠNG DIỆN LÝ THUYẾT

Thoạt tiên có cảm giác như chả có gì phải đặt vấn đề quan hệ giữa Phật giáo và chủ nghĩa Mác cả, thậm chí là trái khoáy vì Phật giáo là một tôn giáo thế giới có bề dày lịch sử trên 2500 năm, khởi nguồn từ Ấn Độ, còn chủ nghĩa Mác là một triết thuyết chính trị xã hội, ra đời ở châu Âu mới được hình thành giữa thế kỷ XIX. Thường người ta đặt vấn đề quan hệ giữa một tôn giáo này với một tôn giáo khác hoặc giữa trào lưu tư tưởng này với trào lưu tư tưởng kia. Tuy nhiên, xem xét kỹ hơn thấy câu chuyện không hẳn như vậy vì Phật giáo cũng như bất kỳ tôn giáo lớn nào khác đều dựa trên nền tảng tư tưởng triết học và thần học, còn chủ nghĩa Mác trong điều kiện lịch sử một số quốc gia XHCN có giai đoạn được một số quốc gia vận dụng một cách máy móc, gần như một "tôn giáo" vậy. Đó là lý do bài viết này muốn làm rõ liệu về phương diện lý thuyết giữa Phật giáo và chủ nghĩa Mác có thể tương hợp hay không và quan hệ giữa chúng trong hoàn cảnh lịch sử Việt Nam ra sao.

Về phương diện lý thuyết, cần khẳng định Phật giáo và chủ nghĩa Mác không dễ gì có thể đồng hành cùng với nhau, bởi muốn đồng hành với nhau cần thái độ tích cực từ cả hai phía, không thể đơn phương được. Lực cản chính không bởi Phật giáo mà bởi chủ nghĩa

*. PGS.TS., Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu tôn giáo đương đại, Phó chủ nhiệm Khoa triết học, trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Mác. Đây là hai chủ thuyết có khá nhiều điều khác biệt. Về phương diện thế giới quan triết học, chủ nghĩa Mác được xây dựng trên nền tảng thế giới quan duy vật biện chứng, trong khi Phật giáo về vấn đề này không thể hiện một cách rõ ràng theo lập trường duy vật hay duy tâm.[1] Về đại thể, chủ nghĩa Mác chủ trương vô thần, trong khi Phật giáo là một tôn giáo. Vấn đề không chỉ bởi luận điểm của Mác coi "tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân" mà cái chính là nền tảng duy vật của triết học Mác coi toàn bộ thế giới chúng ta không là cái gì khác ngoài thế giới vật chất. Tư duy, ý thức chẳng qua chỉ là chức năng của một dạng vật chất có tổ chức cao là bộ óc người, không có Chúa trời, không có thần linh. Chủ nghĩa Mác chủ trương giải phóng nhân loại khỏi mọi áp bức và bất công xã hội, xây dựng một thiên đàng ngay trên thế giới này, đả phá niềm tin vào sự tồn tại của thế giới bên kia với thiên đàng và hỏa ngục, thì Phật giáo hướng con người tới vô ngã, tới sự giải thoát khỏi kiếp luân hồi và nhập cõi Niết bàn. Tuy dù Phật giáo chủ trương từ bi hỉ xả, có thể thể hiện sự khoan dung, dung thông với nhiều trào lưu tư tưởng, tôn giáo khác như ta thấy dung thông Khổng-Phật-Đạo ở Việt Nam cả ngàn năm qua, nhưng chủ nghĩa Mác xét về các nguyên lý cơ bản của nó mang bản chất ý thức hệ, cổ xúy cho đấu tranh giai cấp nên ít có tính khoan dung, càng khó có thể thỏa hiệp với một tôn giáo.[2]

---

1. Đã có không ít tranh luận xung quanh vấn đề xác định thế giới quan Phật giáo là duy vật hay duy tâm. Rồi trong những năm 1930 có các cuộc tranh luận giữa tờ *Viên âm* của Phật giáo và tờ *Vì Chúa* của Công giáo. Một số trí thức Công giáo thậm chí còn không coi Phật giáo là tôn giáo bởi tôn giáo này là vô thần, không thờ thần linh, vv... Theo quan điểm của người viết bài này, tranh luận như vậy là vô nghĩa bởi Phật giáo không bàn tới vấn đề sáng thế, không đề cập tới vấn đề siêu hình học thế giới này do đâu mà có, giữa vật chất và tinh thần cái nào có trước, cái nào có sau, cái nào sinh ra cái nào theo đúng tinh thần của vấn đề cơ bản của triết học phương Tây cổ điển. Như vậy, mọi sự quy kết triết học Phật giáo là duy vật hay duy tâm đều mang tính khiên cưỡng.

2. Về thân thế, C. Mác là người gốc Do Thái, khác với Ph. Ăngghen là người thuần gốc Đức. Sống ở Đức, để tránh sự kỳ thị của nhiều người Đức, bố của ông đã phải từ bỏ tôn giáo tôn giáo truyền thống của mình, cải đạo sang Tin Lành. Sinh ra trong một môi trường như vậy, từ nhỏ chàng thanh niên C. Mác không sốt sắng với việc đạo. Về sau, tiếp thu các tư tưởng của nhà duy vật L. Phoibach (Feuerbach), chuyển đổi từ phái Hegel trẻ sang lập trường duy vật càng làm cho ông xa lánh các tư tưởng duy tâm và tôn giáo, hoàn toàn trái ngược với thân thế bậc tiền bối của ông Hegel là người từng theo học trường dòng, nhưng sau phá giới, chấm dứt cuộc sống tu hành. Ngoài bất đồng về thế giới quan, C. Mác tuy sống yên ấm với người vợ Jelly Mác, nhưng còn có một người con ngoài giá thú năm 1851 khi ông mới 33 tuổi, đi ngược lại với Mười điều răn của Chúa. Nếu ông vẫn duy trì Do thái giáo hay các hệ phái Ki tô giáo thì ông sẽ bị giáo hội các tôn giáo này rút phép thông công.

Đi sâu phân tích ta thấy nhận định trên không phải không có cơ sở. Trong số các tôn giáo lớn thì các nhà kinh điển chủ yếu đề cập tới Ki tô giáo và Do thái giáo. Điều đó dễ hiểu bởi hai tôn giáo này gắn nhiều tới đời sống và văn hóa châu Âu. Trong số các tôn giáo thế giới, Phật giáo cũng như Islam và Ấn giáo không được các ông lưu tâm nhiều. Chúng ta không có tư liệu về việc hai ông có đọc những sách gì về Phật giáo. Ph. Ăngghen có đề cập chút xíu Phật giáo về phương diện triết học, nhận định rằng "các nhà Phật giáo nguyên thủy đều là những nhà biện chứng bẩm sinh" theo cách hiểu phép biện chứng của hai ông về những mối liên hệ phổ biến. Có lẽ vì nhiều lý do khách quan và chủ quan, hiểu biết của hai ông về Phật giáo khiêm tốn hơn nhiều so với những người Đức tiền bối như Hegel hay người cùng thời như Schopenhauer. Mục từ Phật giáo không xuất hiện trong nhiều tác phẩm lớn của hai ông, kể cả những tác phẩm đề cập nhiều đến các vấn đề tôn giáo như Gia đình thần thánh, Phê phán triết học pháp quyền của Hegel. Lời nói đầu, Hệ tư tưởng Đức và nhiều tác phẩm khác. Kể cả trong một số bài viết của mình về Ấn Độ, về châu Á thì Phật giáo không thuộc một trong số các chủ đề quan tâm của cả C. Mác và Ph. Ăngghen.

Như vậy, khách quan mà nói, về phương diện lý thuyết thì quan hệ này phần nhiều mang tính một chiều, Phật giáo có thể khoan dung với chủ nghĩa Mác, nhưng chủ nghĩa Mác không dễ dàng chấp nhận Phật giáo. Điều này cũng phần nào lý giải tại sao ít có quốc gia Phật giáo tiểu thừa nào chấp nhận thể chế chính trị XHCN.

Tuy nhiên, ngay về phương diện lý thuyết người ta đã thấy sự xung đột, nếu có, giữa Phật giáo và chủ nghĩa Mác đã giảm thiểu so với ở nhiều khu vực khác trên thế giới. Nếu như không ít nhà nghiên cứu đã diễn tả "chủ nghĩa Mác du nhập vào Việt Nam trên cỗ xe Khổng giáo" thì cũng ở một chừng mực như vậy có thể nói "chủ nghĩa Mác du nhập vào Việt Nam nhờ ơn cứu độ của hai vị Bồ tát". Trước hết, vị Bồ tát ấy không ai khác, ngoài sự khoan dung của Phật giáo Đại thừa (*Mahayana Buddhism*). Về điểm này, Phật giáo Đại thừa rất khác biệt với Phật giáo Ấn Độ nguyên thủy vốn ít có sự khoan dung hơn. M. Weber từng nói rằng "*Phật giáo nguyên thủy trong mọi điểm quyết định trên thực tế là một thái cực đối lập với Khổng*

giáo đại loại cũng như Islam vậy".[3]

Nhưng đó là Phật giáo Ấn Độ nguyên thủy. Còn Phật giáo Đại thừa thì ở khu vực Đông Á và Việt Nam người ta đều thấy sự dung thông Phật-Khổng-Đạo. Nhưng không chỉ có vậy, người bắc cầu nối giữa Phật giáo và chủ nghĩa Mác có lẽ không ai khác ngoài Hồ Chí Minh, một vị Bồ tát khác. Tuy trong các bài viết, các phát biểu của Hồ Chí Minh thì phần nói về Phật giáo không nhiều so với Công giáo và một số vấn đề chính sách tôn giáo nói chung, nhưng Hồ Chí Minh tự coi mình là học trò của các bậc Thích Ca Mâu Ni và C. Mác. Nếu như người phương Tây có câu "*Mọi con đường đều đi tới Roma*" thì người Việt Nam cũng có châm ngôn "*các tư tưởng lớn đều gặp nhau*" thể hiện một nội dung tương tự và Hồ Chí Minh tìm thấy điểm gặp gỡ của các vĩ nhân đó chính là tinh thần nhân đạo, nhân bản, chính là sự bao dung và vị tha, cái chất người trong mỗi con người chúng ta cần phải được đánh thức dậy.

Một phát hiện khá thú vị là nhận thấy Hồ Chí Minh viết về Phật giáo không nhiều so với vị thế của một tôn giáo có bề dày lịch sử cả ngàn năm hiện diện trên mảnh đất hình chữ S này và hiện là tôn giáo lớn nhất Việt Nam xét cả về phương diện số lượng tín đồ và phạm vi ảnh hưởng tới các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Nếu so sánh với những phát biểu, bài viết của vị Chủ tịch nước về Công giáo thì thấy rõ ràng có sự chênh lệch. Quả là một sự ngạc nhiên. Đây là một phát hiện nhỏ, nhưng rõ ràng có giá trị khoa học nhất định. Có thể cắt nghĩa điều này do trong bối cảnh phải dành toàn tâm toàn sức cho hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, giải phóng dân tộc, thống nhất nước nhà, tất cả những nỗ lực của vị Chủ tịch nước dồn vào hai mục tiêu nêu trên. Cũng trong bối cảnh đó thì chính đồng bào Công giáo, chứ không phải là các Phật tử, đang là tâm điểm mà các thế lực thực dân và đế quốc lôi kéo đi ngược lại với chủ trương của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Do vậy, thì không có cách nào khác, ở cương vị của mình, Hồ Chí Minh phải tập hợp, kêu gọi đoàn kết lương-giáo nổi lên thành mối quan tâm

3. Weber Max, *Die Wirtschaftsethik der Weltreligionen. Hinduismus und Buddhismus*. Trong: *Gesammelte Aufsätze zur Religionssoziologie*, Band I, 9 Auflage, J.C.B. Mohr, Tübingen, S. 220. Do vậy dễ hiểu là ở một số nước Phật giáo Tiểu thừa vẫn có chiến tranh tôn giáo, chẳng hạn như giữa Phật tử và cộng đồng người Islam ở miền Nam Thái Lan và với cộng đồng người Rohigya theo Islam ở Myanmar.

hàng đầu của vị Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, chứng minh trước toàn thể quốc dân và quốc tế chính sách tôn giáo của mình nhằm làm thất bại các nỗ lực của thực dân và đế quốc trên. Cần phải đặt khung cảnh là tất cả những hoạt động của Hồ Chí Minh với đồng bào Phật tử nói riêng, các tôn giáo nói chung là trong khung cảnh bất thường của thời chiến chứ không phải thời bình.

Tuy vậy, vị Chủ tịch nước đã có không ít những lời kêu gọi khơi dậy lòng từ bi cứu khổ cứu nạn của Đức Phật. Ngay từ những ngày đầu sau Cách mạng tháng Tám, trong bối cảnh phải lo trăm bề, nhưng chính phủ đã ra sắc lệnh bảo vệ các tài sản tôn giáo và các công trình văn hóa xã hội. "Chính quyền và quân đội nhân dân có nhiệm vụ đoàn kết chặt chẽ với nhân dân, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân (...) 4/ Bảo vệ đền chùa, nhà thờ, trường học, nhà thương và các cơ quan văn hóa, xã hội khác. Những người làm việc ở các cơ quan ấy, cứ làm việc như thường. Chính quyền và quân đội nhân dân phải bảo hộ họ".[4]

Là người Mác xít, nhưng Hồ Chí Minh chưa bao giờ là người Mác xít hay cộng sản cực đoan. Trong xử lý các vấn đề, Hồ Chí Minh luôn theo phương châm dứt khoát về nguyên tắc, nhưng mềm dẻo trong biện pháp thực hiện. Trong lúc cuộc kháng chiến đang ở giai đoạn khốc liệt nhất, vào thời điểm mà lực lượng quân sự Pháp áp đảo, cuộc kháng chiến giành độc lập dân tộc của người Việt Nam như đang đứng trước tình cảnh ngàn cân treo sợi tóc, Hồ Chí Minh có Thư gửi Phật tử nhân lễ Vu Lan. "*Nhân ngày lễ Phật rằm tháng Bảy, tôi kính cẩn cầu nguyện Đức Phật bảo hộ Tổ quốc và đồng bào ta (...) Từ ngày nước ta trở nên dân chủ cộng hòa, Hiến pháp ta tôn trọng tự do tín ngưỡng, thì Phật giáo cũng phát triển một cách thuận tiện. Thế là: Nước có độc lập, thì đạo Phật mới dễ mở mang. Bọn thực dân Pháp muốn cướp nước ta. Chúng đốt chùa chiền, phá tượng Phật, hành hạ tăng ni, tàn sát đạo hữu. Chúng hòng phá tan đạo Phật. Đức Phật là đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn, muốn cứu chúng sinh ra khỏi khổ nạn*".[5]

---

4. Hồ Chí Minh, *Tám điều mệnh lệnh của Chính phủ dân chủ cộng hòa Việt Nam*. Trong: Hồ Chí Minh, *Về dân tộc, tôn giáo và đại đoàn kết trong cách mạng Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2003, tr. 201-202.

5. Hồ Chí Minh, *Thư gửi Hội Phật tử Việt Nam*, ngày 30/8/1947, Rằm tháng Bảy AL. Trong: Hồ Chí Minh, *Về dân tộc, tôn giáo và đại đoàn kết trong cách mạng Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2003, tr. 186.

2. PHẬT GIÁO VÀ CHỦ NGHĨA MÁC: TỚI THỰC TIỄN VIỆT NAM

Xét về lý thuyết, như trên đã chỉ ra, hẳn không dễ có sự kết hợp giữa Phật giáo và chủ nghĩa Mác. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh văn hóa dung thông ở Việt Nam ta thấy một bức tranh khác hẳn. Bản tính từ bi của Phật giáo trong môi trường văn hóa dung thông của Việt Nam đã hóa giải đáng kể những bất đồng giữa Phật giáo và chủ nghĩa Mác về phương diện lý thuyết.

Trước hết, chủ nghĩa Mác du nhập vào Việt Nam không những không hề gặp phải một lực cản nào, mà trái lại còn nhận được tạo điều kiện từ phía các tôn giáo bản xứ, trong đó phải kể tới tính thế tục của Khổng giáo và sự khoan dung của Phật giáo xứ này. Quan sát thấy khi Công giáo du nhập vào Việt Nam thế kỷ XVII, thỉnh thoảng vẫn gặp các sự phản kháng từ phía các tôn giáo truyền thống bản xứ như các sư Phật, các pháp sư Đạo giáo, những nhóm người cảm thấy uy tín và lợi ích của họ bị ảnh hưởng khi tôn giáo mới được du nhập. Đã có không ít các minh chứng điều này khi ta đọc tường trình về quá trình truyền giáo của Alexandre de Rhodes và nhiều thừa sai khác cho thấy điều đó. Ngay từ thế kỷ XVII-XVIII đã có không ít các cuộc cấm đạo của các chúa Trịnh-Nguyễn mà các chức sắc tôn giáo bản xứ là một trong những tác nhân.[6] Rồi đặc biệt tôn giáo này gặp phải phản kháng từ phía các nhà Nho mà các cuộc cấm đạo của triều Nguyễn là điển hình. Nếu không có chính sách hai mặt của các chúa Trịnh-Nguyễn coi sự hiện diện của các thừa sai như sự bảo chứng để duy trì thương mại với châu Âu nhằm mua vũ khí, phục vụ chiến tranh, hẳn sự du nhập tôn giáo này thửa đầu còn gặp trắc trở hơn nhiều.[7]

Vậy mà những người cộng sản Việt Nam ngay từ những ngày đầu du nhập chủ nghĩa Mác vào Việt Nam còn được tạo điều kiện bởi các tôn giáo truyền thống. Đã có không ít công trình nhấn mạnh vai trò của Nho giáo, rằng "*chủ nghĩa Mác du nhập vào Việt Nam trên cỗ xe Nho giáo*", nhưng chưa có nhiều những nghiên cứu về vai trò của Phật giáo trong việc du nhập chủ nghĩa Mác. Không ít các nhà cách

6. Xem: Rhodes Alexandre, *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài*, bản dịch của Hồng Nhuệ, Nxb. Tổng hợp, TP Hồ Chí Minh.

7. Xem: Nguyễn Quang Hưng, *Công giáo Việt Nam thời kỳ triều Nguyễn (1802-1883)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2007.

mạng đã sử dụng đình chùa làm nơi chủ trì các cuộc họp sinh hoạt về đường lối cách mạng của mình. Đã có không ít lần họ cải trang thành các nhà sư, nhà tu hành để che mắt mạng lưới mật thám của chính quyền thuộc địa.[8] Bản thân nhà lãnh đạo Trường Chinh từng dự thảo cương lĩnh của cách mạng khi xảy ra sự kiện Nhật đảo chính hất cẳng Pháp tháng 3/1945 trong tác phẩm nổi tiếng "*Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*" tại một ngôi chùa ở Đình Bảng. Rõ ràng, nếu không được nhân dân đùm bọc, nuôi giấu trong suốt thời kỳ hoạt động bí mật kể từ khi về nước thành lập Mặt trận Việt Minh năm 1941, trong đó có không ít các nhà sư, các Phật tử, Hồ Chí Minh và các nhà cách mạng Việt Nam hẳn đã không thể làm nên cuộc Cách mạng tháng Tám cũng như trèo chống con thuyền cách mạng Việt Nam qua bao thử thách của hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

Lý do các nhà tu hành, các Phật tử sẵn lòng giúp đỡ cách mạng thật đơn giản: Hễ là người Việt Nam thì dù là người tu hành hay bất cứ cương vị nào cũng đều có tinh thần yêu nước và họ thấy không có gì vướng mắc khi các nhà cách mạng Việt Nam dựa vào ngọn cờ lý luận chủ nghĩa Mác để quy tụ quần chúng cho cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc. Tương tự, nếu không có bệ đỡ từ các tôn giáo Việt Nam truyền thống, trong đó phải nhấn mạnh tới tinh thần khoan dung từ bi cũng như tinh thần nhập thế của Phật giáo thì chủ nghĩa Mác đã không thể du nhập vào Việt Nam. Nói như vậy để khẳng định một thực tế rằng thành công hôm nay của Cách mạng Việt Nam không thể có được nếu thiếu sự trợ giúp của Phật giáo.

Từ hơn ba thập niên gần đây, bất kỳ người nước ngoài nào tới Việt Nam hôm nay đều ngạc nhiên trước một thực tế: một mặt, nhà nước Việt Nam vẫn luôn khẳng định lấy chủ nghĩa Mác làm kim chỉ nam, nền tảng tư tưởng cho các chủ trương và chính sách của Đảng cộng sản, định hướng xây dựng CNXH mà theo học thuyết của C. Mác là giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản. Mặt khác, đời sống xã hội diễn ra theo một thực tế khác, đâu đâu cũng thấy những đình chùa mới được tôn tạo lại hoặc xây mới trong thời gian ba thập niên qua. Có tới trên một nửa trong tổng số trên 27.500 cơ sở thờ

8. Xem: Văn Tiến Dũng, *Những bước đường thiên mệnh*, Thái Bình, 1974. Trong cuốn sách này, Đại tướng Văn Tiến Dũng kể về quá trình hoạt động cách mạng của mình giai đoạn trước 1945 nhờ sự che chở của các nhà sư, có lúc đã định xuống tóc, theo cuộc đời của nhà tu hành.

tự các tôn giáo trên toàn quốc Việt Nam được tôn tạo lại hoặc xây mới trong ba chục năm qua cho thấy rõ điều đó và tiến độ xây dựng đó vẫn chưa dừng lại. Các lễ kỷ niệm Vesak Liên hợp quốc mà Việt Nam đăng cai tổ chức năm 2008 tại Hà Nội, 2014 ở Bái Đính và năm nay 2019 tại chùa Tam Chúc là một minh chứng. Có thể thấy rõ rằng đời sống tôn giáo của chúng ta chưa bao giờ sôi động như hiện nay. Nếu chúng ta so sánh Việt Nam với hàng loạt các nước XHCN trước đây từ Đông Âu cho tới Đông Á trước và sau khi bức tường Berlin sụp đổ thì đều chứng kiến sự hồi sinh của tôn giáo ở các nước này sau thời kỳ bị hạn chế, cấm đoán, nhưng có lẽ không có nước nào sự trỗi dậy của tôn giáo lại rõ ràng và ngoạn mục như ở Việt Nam.

Rõ ràng, đó là một nghịch lý mà nếu giả sử sống lại, bản thân C. Mác cũng không hiểu nổi. Câu trả lời nằm trong văn hóa Việt Nam, đó là một ẩn số khiến cho các trào lưu tư tưởng, tôn giáo bất kể khác biệt về tiền đề ra đời, nguồn gốc hình thành, khác biệt về thể thức và giáo lý, khác biệt về mục tiêu cũng như biện pháp thực hiện, nhưng rồi dần dần cũng tìm được tiếng nói chung, hóa giải được những khác biệt khi du nhập vào Việt Nam mà tương tác giữa Phật giáo và chủ nghĩa Mác là một ví dụ tiêu biểu.

Tuy nhiên, chúng ta cũng phải thừa nhận một thực tế rằng vai trò của chủ nghĩa Mác ở Việt Nam từ ba chục năm trở lại đây đang thay đổi bởi ít nhất ba nhân tố sau: thứ nhất, là sự phát triển của kinh tế thị trường do nhà nước Việt Nam chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường nhiều thành phần từ khi Đổi mới năm 1986 trong đó nhấn mạnh bên cạnh các thành phần kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể còn là các lĩnh vực kinh tế tư nhân và kinh tế đầu tư nước ngoài. Nay sau ba thập niên ta thấy đối lập lại với các thành phần kinh tế nhà nước tiêu tốn nhiều nguồn lực đầu tư của nhà nước, trong khi đó thì làm ăn thua lỗ, là những hang ổ của nạn tham nhũng, thì kinh tế tư nhân và đầu tư nước ngoài ngày càng khẳng định vị thế. Đương thời C. Mác, nhất là V.I. Lê nin phản đối kinh tế tư nhân, rằng "*sở hữu tư nhân hàng ngày hàng giờ đẻ ra chủ nghĩa tư bản*", nhưng rồi tự hóa giải điều này trong chính sách kinh tế mới. Điều tương tự ta thấy ở Việt Nam. Từ chỗ thừa nhận nền kinh tế tư nhân do hoàn cảnh bắt buộc, chỉ là chính sách tạm thời nhằm khắc phục khủng hoảng kinh tế-xã hội những năm 1980 nay nhà nước đã dần phải

thay đổi chính sách tiến tới tạo ra sân chơi bình đẳng cho tất cả các thành phần kinh tế.

Thứ hai, sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc (*nationalism*) ở hầu hết các nước XHCN, và cả ở hầu hết các nước khác, kể cả những nước phát triển sau thời kỳ chiến tranh lạnh và Việt Nam không phải là ngoại lệ. Đương thời, C. Mác và Ph. Ăng ghen cổ vũ cho chủ nghĩa quốc tế vô sản, giảm thiểu tinh thần quốc gia dân tộc mà các ông lo ngại nếu đẩy tới cực đoan sẽ dẫn tới chủ nghĩa sô vanh nước lớn. Các ông hướng tới một xã hội đại đồng không còn giai cấp, thậm chí không còn nhà nước mà theo cách hiểu của các công là công cụ của giai cấp thống trị, không còn chế độ tư hữu như nguồn gốc của mọi bất công xã hội, nhưng thực tế lịch sử sau một thế kỷ rưỡi bên cạnh những điều đúng với dự báo của các ông, đương nhiên cũng có nhiều thay đổi ngoại dự báo của hai ông. Nay sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc phải chăng như sự phản kháng lại đối với xu thế toàn cầu hóa. Tương tự trong lĩnh vực kinh tế, bên cạnh xu thế thương mại tự do cổ vũ cho sự hội nhập quốc tế là xu thế bảo hộ mậu dịch.

Thứ ba, như trên đã đề cập, là sự thức tỉnh của tâm thức tôn giáo như chúng ta thấy rõ ở Việt Nam và nhiều quốc gia khác. Không phải là hoàn toàn không có cơ sở khi không ít người thốt lên rằng phải chăng khi niềm tin nơi cuộc sống trần thế có nhiều trắc trở nên người ta tìm đến chốn tâm linh. Những nghiên cứu của L. Cadiere cách đây nửa thế kỷ về sự khác nhau của sinh hoạt tôn giáo ở những ngành nghề khác nhau là điểm cần lưu ý. "*Ngành nghề nào càng bất trắc, người ta càng tìm đến với tôn giáo*" là một thực tế. Trong xã hội Việt Nam truyền thống thì người đi lễ đình chùa đa phần là nông dân. Nay trong xã hội Việt Nam hiện đại thì không chỉ có nông dân, mà không ít quan chức và doanh nhân thuộc nhóm những người thích cầu cúng nhất. Trong xã hội Việt Nam truyền thống, người đi lễ phần lớn là người già và trung niên, những người ở cái tuổi phải chịu trách nhiệm với gia đình và xã hội. Nay người đi lễ chùa không thiếu những người trẻ, chưa có gia đình. Quan sát độ tuổi của những người dâng sao giải hạn cho ta thấy ngay sự khác biệt đó trong đời sống tôn giáo ở Việt Nam giữa xưa và nay. Chúng ta cũng phải thấy rằng sự thay đổi về vị thế của chủ nghĩa Mác trong xã hội Việt Nam là một xu thế khó tránh khỏi.

Năm ngoái 2018, trong dịp kỷ niệm 200 sinh C. Mác, ở một số

nơi trên thế giới và Việt Nam trong đó có Trường Đại học KHXH & NV chúng tôi có tổ chức Hội thảo đánh giá lại các di sản của C. Mác, làm rõ những cái gì vốn của C. Mác, những gì thuộc về chủ nghĩa Mác, dù có liên quan chặt chẽ với nhau nhưng không nên đánh đồng. C. Mác không phải chịu trách nhiệm với những gì vốn không thuộc về ông, mà do hậu thế để lại. Tránh mọi thái cực, khi thì tuyệt đối hóa học thuyết của ông, khi thì lại ở một thái cực ngược lại theo hướng phủ nhận sạch trơn. Các Hội thảo này cũng cho thấy cho dù học thuyết của Mác cũng như bất cứ một học thuyết nào khác có khoa học đến đâu chăng nữa, hoàn bị đến đâu chăng nữa thì cũng không thể là một cái gì đó tuyệt đối và vĩnh cửu được, mà cần được tiếp tục hoàn thiện, kế thừa phát triển, trong đó cũng có không ít những điều mà thời gian cho thấy đã lỗi thời, phải bỏ đi. Đó cũng là lẽ thường trong đời sống khoa học, là quy luật của cuộc sống, nói theo nhà Phật, cái gì có sinh đều tất có diệt.[9]

Đương nhiên, không nên quan niệm quá trình hóa giải những khác biệt giữa Phật giáo và chủ nghĩa Mác như một cái gì đó dễ dàng, hoàn toàn phẳng lặng. Thực tế lịch sử cho thấy có những thăng trầm đáng kể. Điển hình nhất là giai đoạn trước 1990 trong bối cảnh chính sách tôn giáo của nhà nước còn chưa được cởi mở. Trong giai đoạn cải cách ruộng đất cũng như trong thời kỳ hợp tác xã có không ít các cơ sở tôn giáo, các đình chùa bị biến thành những lớp học, sân kho hợp tác xã, nhà trẻ, thậm chí là nơi người ta cho cả trâu bò vào, tóm lại bên cạnh chức năng là nơi thờ tự còn là các cơ sở phục vụ dân sinh. Cũng cần nói thêm rằng nhiều hoạt động tôn giáo trong các giai đoạn đó bị thu hẹp đáng kể. Hàng trăm lễ hội truyền thống mà đa phần gắn với các tôn giáo, tín ngưỡng đều bị hạn chế tổ chức, thậm chí đình chỉ.

Trong quá trình bị biến thành các cơ sở phục vụ dân sinh, nhiều cơ sở đã bị xuống cấp nghiêm trọng, thậm chí bị phá phách nhưng

9. Trong chuyến thăm Trung Quốc tháng 12/2018 mới đây, Tổng thống Đức Frank Walter Steinmeier đã có phát biểu với sinh viên Đại học Tứ Xuyên về những tai họa mà người ta đã làm ở Đức và Đông Âu nhân danh C. Mác, nhấn mạnh C. Mác là "một trí thức vĩ đại, một triết gia, kinh tế gia có ảnh hưởng lớn, song là một nhà giáo và lãnh tụ công nhân không thành công lắm" cũng với thâm ý C. Mác là người đáng kính trọng, nhưng không nên tuyệt đối hóa các di sản của ông. Xem: https://www.voatiengviet.com/a/tong-thong-duc-nhac-nho-gioi-tre-tq-ve-tai-hoa-cua-chu-nghia-marx/4691137.html

đã không được tu sửa. Vấn đề không chỉ do hoàn cảnh khách quan của chiến tranh, sự nghèo đói mà cái chính là sự sao nhãng của các cấp chính quyền xuất phát từ quan niệm sai lầm thời kỳ trước 1990 vận dụng chủ nghĩa Mác một cách máy móc giáo điều, hạ thấp vai trò của tôn giáo trong đời sống xã hội. Nói như vậy, để ta thấy quá trình hóa giải những khác biệt giữa Phật giáo với các tôn giáo, chủ thuyết khác là cả một quá trình cam go, nhưng rồi sự từ bi của Đức Phật, nguồn lực sống của Phật giáo, như ngọn đuốc soi đường, giúp chúng sinh đã vượt qua tất cả những khổ đau.

3. KẾT LUẬN

Từ lý thuyết tới thực tiễn Việt Nam cho thấy tinh thần khoan dung, lòng đại từ bi của Phật giáo càng có điều kiện phát huy trong môi trường văn hóa Việt Nam. Nó cho thấy đặc thù và bản tính khoan dung của văn hóa Việt Nam. Triết lý sống đại từ bi, linh hồn của Phật giáo, giúp cho tôn giáo này trường tồn suốt hơn hai ngàn năm qua và nguồn cảm hứng vô hạn giúp người Việt hóa giải mọi sự khác biệt, tạo nên một Việt Nam có thể dung hòa các tôn giáo. Chủ nghĩa Mác có thể du nhập vào Việt Nam là nhờ tấm lòng từ bi và bàn tay của các vị Bồ tát. Thiếu nơi nương tựa của cửa Phật, các nhà cách mạng Việt Nam đã không thể lãnh đạo nhân dân giải phóng dân tộc, thống nhất nước nhà trước đây cũng như thực hiện sứ mệnh "*dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*" hiện nay.

***